TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG
BỘ MÔN KINH TẾ

BẢNG ĐIỂM (THI LẠI)

HỌC KỲ: 3

MÔN: QUẢN TRỊ SẢN XUẤT SỐ TIẾT: 30 SỐ TC: 2

GV: PHẠM LÊ HẠNH NGUYÊN LOẠI: LT

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	C.CẦN	ĐIỂM TBKT	THI L2	T.KẾT L2	GHI CHÚ
1	0304211014	Phạm Lê	Duy	18/05/2003	CĐ NL 21A	4.0	4.1	5.0	4.5	
2	0304211023	Trần Trọng	Hạnh	03/08/2003	CĐ NL 21A	4.0	4.0	6.0	5.0	
3	0304211033	Dương Chí	Hùng	16/01/2003	CĐ NL 21A	7.0	6.0	2.0	4.1	
4	0304211053	Huỳnh Văn	Nghĩa	01/03/2003	CĐ NL 21A	10.0	5.4	6.0	6.2	
5	0304211063	Thái Diếp Minh	Quân	29/12/2002	CĐ NL 21A	10.0	5.1	2.0	4.0	
6	0304211068	Hồ Nhựt	Thanh	22/06/2003	CĐ NL 21A	10.0	4.7	5.0	5.4	
7	0304211074	Huỳnh Văn	Thông	30/04/2002	CĐ NL 21A	7.0	4.5	0.0	0.0	
8	0304211075	Ngô Quân	Thuận	21/02/2003	CĐ NL 21A	10.0	6.8	4.0	5.7	
9	0304211084	Phan Phú	Trọng	31/07/2003	CĐ NL 21A	4.0	4.9	6.0	5.4	
10	0304211089	Nguyễn Ngọc	Tuệ	29/10/2003	CĐ NL 21A	10.0	6.0	5.0	5.9	
11	0304211092	Trần Văn	Xuân	26/06/2003	CĐ NL 21A	10.0	3.4	6.0	5.4	
12	0304211115	Cao Trung	Hiếu	11/01/2003	CĐ NL 21B	7.0	5.4	5.0	5.4	
13	0304211121	Đỗ Gia	Huy	27/06/2003	CĐ NL 21B	4.0	5.4	5.0	5.1	
14	0304211137	Nguyễn Nhựt	Minh	05/01/2003	CĐ NL 21B	4.0	4.8	6.0	5.3	
15	0304211138	Võ Hoàng	Ngọc	10/04/2003	CĐ NL 21B	7.0	6.0	3.0	4.6	
16	0304211141	Lê Thanh	Nhàn	25/11/2003	CĐ NL 21B	10.0	5.2	7.0	6.6	
17	0304211144	Võ Minh	Nhật	07/05/2003	CĐ NL 21B	10.0	6.7	7.0	7.2	
18	0304211156	Đỗ Nguyễn Duy	Quang	11/08/2003	CĐ NL 21B	4.0	4.6	8.0	6.2	
19	0304211160	Nguyễn Thanh	Sơn	08/01/2003	CĐ NL 21B	7.0	5.3	6.0	5.8	
20	0304211166	Điểu Minh	Tấn	01/01/2002	CĐ NL 21B	10.0	4.3	2.0	3.7	
21	0304211168	Nguyễn Hoài	Thanh	10/03/2003	CĐ NL 21B	7.0	5.5	6.0	5.9	
22	0304211170	Nguyễn Quốc	Thái	18/12/2003	CĐ NL 21B	6.0	5.0	5.0	5.1	
23	0304211171	Nguyễn Hoàng	Thịnh	21/10/2003	CĐ NL 21B	10.0	5.7	7.0	6.8	
24	0304211173	Lương Phước	Thịnh	02/05/2002	CĐ NL 21B	10.0	4.2	5.0	5.2	
25	0304211189	Nguyễn Thanh	Tú	15/08/2003	CĐ NL 21B	7.0	5.6	5.0	5.4	

KHOA/BỘ MÔN

Ngày 06 tháng 02 năm 2023
GIÁO VIÊN BỘ MÔN

PHẠM LÊ HẠNH NGUYÊN